

THỐNG KÊ ĐÁNH GIÁ ĐỊNH KỲ MÔN HỌC
CUỐI HỌC KỲ I, NĂM HỌC: 2025 - 2026

[illegible]



THỐNG KÊ ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC HỌC SINH CUỐI HỌC KỲ I
NĂM HỌC: 2025 - 2026

STT	Lớp	Số	Ngôn ngữ						Tinh toán						Khoa học						Công nghệ						Tin học				Thẩm mĩ				Thể chất			
			Tốt		Đạt		Cần cố gắng		Tốt		Đạt		Cần cố gắng		Tốt		Đạt		Cần cố gắng		Tốt		Đạt		Cần cố gắng		Tốt		Đạt		Tốt		Đạt		Tốt		Đạt	
			SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
1	Tổng toàn trường	2088	1115	53.4	945	45.3	28	1.3	1090	52.2	976	46.7	22	1.1	1169	56	916	43.9	3	0.1	697	56.6	534	43.4			553	44.9	678	55.1	1253	60	835	40	1233	59.1	855	40.9
2	Tổng khối 01	486	247	50.8	214	44	25	5.1	281	57.8	183	37.7	22	4.5	265	54.5	218	44.9	3	0.6											282	58	204	42	311	64	175	36
3	Tổng khối 02	371	163	43.9	205	55.3	3	0.8	177	47.7	194	52.3			164	44.2	207	55.8												144	38.8	227	61.2	154	41.5	217	58.5	
4	Tổng khối 03	409	204	49.9	205	50.1			196	47.9	213	52.1			216	52.8	193	47.2			192	46.9	217	53.1			174	42.5	235	57.5	324	79.2	85	20.8	307	75.1	102	24.9
5	Tổng khối 04	423	211	49.9	212	50.1			207	48.9	216	51.1			256	60.5	167	39.5			233	55.1	190	44.9			174	41.1	249	58.9	221	52.2	202	47.8	238	56.3	185	43.7
6	Tổng khối 05	399	290	72.7	109	27.3			229	57.4	170	42.6			268	67.2	131	32.8			272	68.2	127	31.8			205	51.4	194	48.6	282	70.7	117	29.3	223	55.9	176	44.1



UBND PHƯỜNG HÒA LỢI
TRƯỜNG TIỂU HỌC TÂN ĐỊNH

THỐNG KÊ TIẾN ĐỘ ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC HỌC SINH CUỐI HỌC KỲ I
NĂM HỌC: 2025 - 2026

STT	Lớp	Sĩ số	Tự chủ và tự học						Giao tiếp và hợp tác						Giải quyết vấn đề và sáng tạo					
			Tốt		Đạt		Cần cố gắng		Tốt		Đạt		Cần cố gắng		Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
			SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
1	Tổng toàn trường	2,088	1,231	59	855	40.9	2	0.1	1,232	59	855	40.9	1	0	1,097	52.5	983	47.1	8	0.4
2	Tổng khối 01	486	278	57.2	206	42.4	2	0.4	268	55.1	217	44.7	1	0.2	238	49	246	50.6	2	0.4
3	Tổng khối 02	371	184	49.6	187	50.4			177	47.7	194	52.3			159	42.9	212	57.1		
4	Tổng khối 03	409	210	51.3	199	48.7			206	50.4	203	49.6			181	44.3	222	54.3	6	1.5
5	Tổng khối 04	423	301	71.2	122	28.8			309	73	114	27			291	68.8	132	31.2		
6	Tổng khối 05	399	258	64.7	141	35.3			272	68.2	127	31.8			228	57.1	171	42.9		



UBND PHƯỜNG HÒA LỢI
TRƯỜNG TIỂU HỌC TÂN ĐỊNH

**THỐNG KÊ TIẾN ĐỘ ĐÁNH GIÁ PHẨM CHẤT HỌC SINH
CUỐI HỌC KỲ I - NĂM HỌC: 2025-2026**

STT	Lớp	Số	Yêu nước				Nhân ái				Chăm chỉ						Trung thực				Trách nhiệm			
			Tốt		Đạt		Tốt		Đạt		Tốt		Đạt		Cần cố gắng		Tốt		Đạt		Tốt		Đạt	
			SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
1	Tổng toàn trường	2,088	2,043	97.8	45	2.2	1,966	94.2	122	5.8	1,284	61.5	799	38.3	5	0.2	1,627	77.9	461	22.1	1,358	65.0	730	35.0
2	Tổng khối 01	486	481	99.0	5	1.0	457	94.0	29	6.0	306	63.0	175	36.0	5	1.0	360	74.1	126	25.9	290	59.7	196	40.3
3	Tổng khối 02	371	357	96.2	14	3.8	357	96.2	14	3.8	184	49.6	187	50.4			282	76.0	89	24.0	198	53.4	173	46.6
4	Tổng khối 03	409	400	97.8	9	2.2	399	97.6	10	2.4	225	55.0	184	45.0			288	70.4	121	29.6	265	64.8	144	35.2
5	Tổng khối 04	423	414	97.9	9	2.1	416	98.3	7	1.7	314	74.2	109	25.8			389	92.0	34	8.0	330	78.0	93	22.0
6	Tổng khối 05	399	391	98.0	8	2.0	337	84.5	62	15.5	255	63.9	144	36.1			308	77.2	91	22.8	275	68.9	124	31.1